

Cam kết chất lượng giáo dục của Trường Mầm non 19/5 năm học 2022 - 2023

(theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ khỏe mạnh cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi. 100% trẻ đạt ở kênh bình thường, phần đầu trẻ suy dinh dưỡng dưới mức 1.0% - Trẻ tìm hiểu khám phá về thế giới xung quanh - Trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ diễn đạt hiểu biết bằng câu nói đơn giản. - Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi và nói một vài đặc điểm nổi bật - Trẻ biết lễ phép chào hỏi và cảm ơn - Trẻ thực hiện hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ - Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi. 100% trẻ đạt đạt ở kênh bình thường, phần đầu trẻ suy dinh dưỡng dưới mức 0.5% - Trẻ có khả năng xem xét và tìm hiểu đặc điểm của sự vật hiện tượng. - Nhận biết sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. - Trẻ làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán. - Trẻ thể hiện hành vi và quy tắc ứng xử xã hội - Thực hiện một số qui định của lớp, gia đình và nơi công cộng - Biết lễ phép, chú ý lắng nghe, chờ đến lượt....
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* Phát triển thể chất: - Thích nghi với chế độ sinh hoạt nhà trẻ. - Thực hiện được một số vận động cơ bản theo độ tuổi. - Nhanh nhẹn, khéo léo, giữ thăng bằng cơ thể. - Phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. - Làm một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. * Phát triển nhận thức: - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc * Phát triển ngôn ngữ: - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. Hồn nhiên trong giao tiếp. - Có khả năng cảm nhận được vần điệu nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. * Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....	* Phát triển thể chất: - Có một số tổ chức vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện các vận động cơ bản một cách vững vàng đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo an toàn của bản thân. * Phát triển nhận thức: - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo các cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt hiểu biết bằng các cách khác nhau, với ngôn ngữ nói là chủ yếu - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, hiện tượng sự vật xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. * Phát triển ngôn ngữ: - Lắng nghe, hiểu lời nói giao tiếp hằng ngày. - Biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

		- Có khả năng cảm nhận vần điệu nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết. * <u>Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</u> - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp, cộng đồng gần gũi. * <u>Phát triển thẩm mỹ</u> - Cảm nhận về đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Khám sức khỏe cho trẻ tối thiểu 1 lần/năm. - Phòng và xử lý một số tai nạn có thể xảy ra ở trường. - Phòng và xử lý các bệnh dịch. - Thực hiện đúng chế độ sinh hoạt đối với từng lứa tuổi của trẻ theo thời gian biểu. - Chế độ dinh dưỡng: . Đảm bảo chế độ ăn phù hợp với từng lứa tuổi của trẻ . Đảm bảo đủ chất dinh dưỡng . Đảm bảo ăn uống vệ sinh sạch sẽ. . Chế biến phù hợp và thay đổi thực phẩm để trẻ ăn ngon và hết suất. - Chăm sóc vệ sinh: . Vệ sinh cá nhân: lau mặt, rửa tay, vệ sinh . Vệ sinh môi trường: vệ sinh nhóm- lớp; vệ sinh trong và xung quanh trường - Theo dõi thể lực, sức khỏe bằng biểu đồ phát triển. - Tổ chức các hoạt động cho trẻ: thể dục, học, chơi trong lớp, chơi ngoài trời, ăn, ngủ, vệ sinh, hoạt động chiều, hoạt động ngoại khóa, ...mỗi nhóm, lớp chia trẻ theo nhóm nhỏ để tổ chức hoạt động. - Số giáo viên/ số trẻ đúng theo quy định. - Đội ngũ CB, GV, NV được bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên liên tục. - Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa CMHS và Nhà trường.

Quận 10, ngày 15 tháng 01 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Hà

Biểu mẫu 02
THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	450	11	36	56	103	127	117
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	450	11	36	56	103	127	117
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	450	11	36	56	103	127	117
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	450	11	36	56	103	127	117
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	450	11	36	56	103	127	117
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	426	11	33	52	98	123	109
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	24	0	3	4	5	4	8
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	444	10	34	53	103	127	117
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	6	1	2	3	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	53	0	2	3	8	17	23
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	450	11	36	56	103	127	117
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	103	11	36	56			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	347				103	127	117

Quận 10, ngày 15 tháng 01 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Hà

Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	16	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	16	-
1	Phòng học kiên cố	16	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.406,92	9.79 m²/ trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1993	4,42/ trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	85	3.03
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	19	0.67 m ² / trẻ
4	Diện tích sân chơi (m ²)	499.9	
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	94	
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	85	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	192	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	16	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	16	1
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	16	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	27	
1	<i>Máy vi tính</i>	25	
2	<i>Máy chiếu</i>	1	
3	<i>Máy ảnh</i>	1	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	15	1cái/ 1 nhóm lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	10	
3	Máy phô tô	1	

4	Catset (Loa kéo)	15	1cái/ 1 nhóm lớp
5	Đầu Video/đầu đĩa	15	
6	Bàn ghế đúng quy cách (bộ)	16	1 bộ/1 nhóm lớp

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9x18=171	16*19=304		0.67	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Điều lệ trường mầm non: Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Quận 10, ngày 15 tháng 01 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Hà

Biểu mẫu 04

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của nhà trường non

Năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	53	0	1	28	10	1	13	2	28	9	25	12	0	0
I	Giáo viên	35	0	0	27	8	0	0	0	27	08	23	12	0	0
1	Nhà trẻ	13	0	0	08	5	0	0	0	10	3	8	5	0	0
2	Mẫu giáo	22	0	0	19	3	0	0	0	17	5	15	7	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	1	1	0	0	0	0	1	1	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	1	1	0	0	0	0	1	1	2	0	0	0
III	Nhân viên	16	0	0	0	2	1	13	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư (Biên chế)	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán (Biên chế)	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ quỹ (HĐT)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế (HĐ trường)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên khác (HĐ trường)	14	0	0	0	0	1	13	0	0	0	0	0	0	0
..	..														

Quận 10, ngày 15 tháng 01 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG**PHÓ HIỆU TRƯỞNG****Nguyễn Thị Hồng Hà**

CÔNG KHAI
Về thu học phí năm học 2022 - 2023

Căn cứ vào văn bản số 1177/PGDDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục & Đào tạo Quận 10 về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2022– 2023 của các cơ sở giáo dục trực thuộc.

Nhà trường công khai khoản thu học phí năm học 2022 - 2023 như sau:

- Nhà trẻ: 200.000 đồng/ trẻ/ tháng .
- Mẫu giáo: 160.000 đồng/ trẻ/ tháng.
- Do tháng 9/2022 và tháng 10/2022, nhà trường chưa thực hiện thu học phí, nên tháng 11/2022 nhà trường thu học phí 03 tháng (tháng 9, 10, 11/2022)., từ tháng 12/2022 nhà trường thu bình thường theo mức trên./.

Quận 10, ngày 15 tháng 01 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Hà